

TRAO ĐỔI

VỀ BỐN CHỮ HÁN TRÊN ĐỈNH ĐỒNG CHÚC THỌ VUA KHẢI ĐỊNH

Lê Nguyễn Lưu*

Bửu Đảo,⁽¹⁾ ngự danh Nguyễn Phúc Tuấn (chữ Hán “Tuấn” thuộc bộ “nhật”, lấy nghĩa tượng vua như mặt trời giữa trưa), con trưởng của vua Đồng Khánh và Hựu Thiên Thuần Hoàng hậu Dương Thị Thực,⁽²⁾ sinh ngày 1 tháng Chín năm Ất Dậu (8/10/1885). Vua Đồng Khánh mất, vua Thành Thái lên ngôi, Bửu Đảo mới bốn tuổi, theo hai mẹ vào ở điện Ngưng Hy (Tư Lăng). Năm Nhâm Dần (1902), ông được xuất phủ tại xã Dương Phẩm, huyện Hương Thủy, bên bờ sông An Cựu (nay thuộc phường Phú Nhuận, thành phố Huế), đặt tên là phủ An Định,⁽³⁾ tự hiệu An Định chủ nhân. Ngày 10 tháng Mười năm Bính Ngọ (25/11/1906), ông được tấn phong Phụng Hóa quận công; Ngày 3 tháng Hai năm Kỷ Dậu (22/2/1909) được tấn phong Phụng Hóa công. Sau khi vua Duy Tân bị thực dân Pháp đày đi an trí tại đảo Réunion, Bửu Đảo được chọn đưa lên ngôi, ngày 17 tháng Tư năm Bính Thìn (18/5/1916) đăng quang tại điện Thái Hòa, đổi ngay niên hiệu mới là Khải Định (từ ngày 16 tháng Tư trở về trước là năm Duy Tân 10, từ ngày 17 tháng Tư về sau là năm Khải Định nguyên niên). Tám năm sau khi lên ngôi, nhà vua tổ chức lễ lớn mừng thọ tuổi bốn mươi (Tứ tuần đại khánh tiết) theo nghi thức Hoàng đế vào ngày mùng 1 tháng Chín năm Giáp Tý (1924). Sách *Thực lục* kể tường tận ngày lễ này như sau:

“Tháng 9. Ngày 1, kính gặp lễ Tứ tuần đại khánh tiết. Trước đó sai quan tới tế cáo với Giao miếu cùng tới hai cung tâu lên. Đến 9 giờ sáng (nghi trượng đều đã sắp xếp đầu vào đấy) ngày chính (ngày 1), vua ngự ra điện Cần Chánh ngồi trên ngự tọa ở giữa, Đông cung Hoàng thái tử cùng đình thần văn võ đều lên điện đứng vào ban. Phía trước ngự diên đặt lễ phẩm, gian thứ ba hai bên tả hữu điện đều bày yến phẩm như nghi thức. Đến giờ bệ tôi bộ Lễ xướng làm lễ mừng thọ. Hoàng thái tử (phụng sung người mừng thọ thứ nhất) kính dâng một chén rượu thọ chúc mừng. Kế tới Thượng thư bộ Lại sung Cơ mật viện Nguyễn Hữu Bài (phụng sung đại thần mừng thọ thứ hai), kiêm nhiếp Tôn nhân phủ Tôn Thất Trạm (phụng sung đại thần mừng thọ thứ ba) đều theo thứ tự dâng rượu dâng trà chúc thọ. Tiếp theo là Thượng thư bộ Hộ Phạm Văn Thụ tuyên đọc lời chúc mừng, kế đó đình thần cùng hô vạn tuế ba lần vang dội trên điện. Chúc thọ xong, Tiền quân Lê Văn Bá (phụng sung đại thần dâng đĩa), Văn Hộ giá Nguyễn Hữu Tỳ, Vũ Hộ giá Bửu Trác (đều sung đại thần thị thiện) đứng hầu vua dùng Ngọ thiện. Hoàng thái tử trở xuống đều

* Thành phố Huế.

theo chỗ ngồi lãnh yến, đồng thời nổ pháo trời nhạc, hiến vũ diễn ca, nghi tiết rất long trọng. Trước sau hôm khánh tiết mười ngày, các cung điện và cửa thành đều treo các loại cờ mừng, trước Ngọ Môn và Phu Văn lâu đều dựng lầu hoa rạp hoa trưng bày lễ phẩm mừng thọ của đình thần và các tỉnh. Trước sau năm đêm công sở tư gia đều giăng đèn trước cửa, lại cổng thành bốn phía đều chiếu thấp đèn điện, từ xa nhìn như sao giăng, gần năm mươi năm nay chưa có cảnh tượng vui vẻ và việc hay như thế (lễ này chi phí các khoản khoảng 13.000 đồng)”.⁽⁴⁾

Về lầu rạp đặt lễ phẩm mừng thọ vua, dịch giả trích làm phụ lục một bản tin, có đoạn viết: “*Trước Ngọ Môn ngay chính giữa phía cột cờ làm một nhà lớn và dài, tuy lợp bằng tranh, song chẳng thấy chút gì tranh, xem bề ngoài như thể lợp ngói âm nước thuốc, còn bề trong thì trau dồi rực rỡ, chưng đầy đồ quý lạ thiên hạ tiến dâng, hai bên tả hữu nhà ấy, thẳng vào Ngọ Môn lại có tám nhà khác trang hoàng đẹp đẽ, cùng chưng những đồ các tỉnh, các bộ cùng các quan cung phụng. Thiên hạ chen nhau vào đó mà coi, thì ai ai cũng rùng mình chắc lưỡi, vì thấy những đồ quý xưa nay chưa từng...”*.⁽⁵⁾ Không biết những “đồ quý” ấy gồm những gì, nhưng chắc cũng có chiếc vạc đồng hiện trưng bày tại Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế, liên quan đến hai bài viết gần đây trên hai tạp chí khác nhau.

Bài viết in trên tạp chí *Huế xưa & nay* (số 146 tháng 3-4 năm 2018, tr 76-81) của Lê Minh Huy nhằm giải thích tính hợp lý tên gọi một chiếc đỉnh mừng thọ vua Khải Định trên biển đề tại cơ quan Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế, để trả lời bài viết của một tác giả (Nguyễn Văn Nghệ) in trên tạp chí *Xưa & nay* (số 490 tháng 12 năm 2017, tr 55-57) ở Hà Nội. Nguyễn Văn Nghệ cho rằng phải đọc 春秋鼎盛 *Xuân thu đỉnh thịnh* theo thứ tự vòng tròn, còn Lê Minh Huy phân tích tính thẩm mỹ và tình cảm của nghệ thuật để cho rằng đọc 春秋鼎盛 *Xuân thu thịnh đỉnh* là đúng. Cả hai cụm từ *Xuân thu đỉnh thịnh* và *Xuân thu thịnh đỉnh* khác nhau về kết cấu ngữ pháp nhưng đều có ý nghĩa cả, tuy nội dung không đồng nhất. Do đó, bài viết này có thể mở ra một vấn đề tranh cãi trong học giới. Để mở đầu, tôi xin tạm góp vài ý kiến sau đây.

1. Xét về hình thức, chữ Hán truyền thống đọc từ phải qua trái (theo vị trí người nhìn, đọc)

1.1. Những vật hình khối tròn không có hướng đông tây nam bắc nhất định, chỉ là tùy cách đặt, tùy chỗ đặt. Nếu dựa vào ba chân, thì thân đỉnh chia đều ba mặt; nếu dựa vị trí người nhìn thì cũng có thể phân biệt bốn mặt: chính diện là phần ngay trước mặt mình, từ đó mà chia ra mặt bên phải, mặt bên trái, mặt đằng sau. Chữ Hán ghi trên đó cũng phải đọc từ phải sang trái, từ trên xuống dưới. Chữ chạm rải đều bốn mặt, ta không thể đồng thời đọc hết được, mà phải đi vòng quanh đỉnh để đọc lần lượt, không thể khác được. Vì thế, bốn chữ trên đỉnh đồng này

đọc *Xuân thu đỉnh thịnh* là đúng với truyền thống. Như chuông chùa: bốn chữ tên chuông 天姥寺鐘 *Thiên Mụ tự chung*, hay bốn chữ tứ thời 春夏秋冬 *Xuân Hạ Thu Đông*, hoặc bốn ô khắc bài minh cũng đọc theo thứ tự ấy... Bốn chữ trên đồng tiền cũng thế, như 嘉隆通寶 *Gia Long thông bảo*, có mấy cách chạm chữ nhưng cũng không ngoài quy luật: *Gia* trên - *Long* phải - *thông* dưới - *bảo* trái, hay *Gia* trên - *Long* dưới - *thông* phải - *bảo* trái.



Biển thuyết minh đặt dưới chân đỉnh đồng, ghi tên đỉnh là “Xuân thu thịnh đỉnh”. Theo chúng tôi, cần phải sửa lại cho đúng là “Xuân thu đỉnh thịnh”. Ảnh chụp tháng 3/2019. TCNC&PT.

Đỉnh đồng chúc thọ vua Khải Định hiện đặt trước sân Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế (bên trái nhìn từ trong ra). Mặt hướng về phía biển thuyết minh là chữ “Đỉnh”. Nếu xem hướng nhìn từ biển thuyết minh là hướng chính, thì phải xoay mặt có chữ “Xuân” trực diện với người nhìn. Ảnh chụp tháng 3/2019. TCNC&PT.

1.2. Đối với cái đỉnh, bốn chữ chạm cách đều bốn mặt đỉnh, nhưng vì có ba chân, nên mới có hiện tượng hai chữ hơi lệch so với vị trí của chân. Chữ *Xuân* nằm giữa hai chân, được xem là mặt chính, khi đặt vạc, phải cho quay về hướng trung tâm, như nếu đặt trước sân nhà quay hướng nam thì mặt này hướng bắc, đặt trên án thờ thì mặt này quay về hướng người đứng lễ. Vì vạc ba chân mà thân vạc chạm bốn chữ chia cách đều bốn mặt, nếu chữ *Xuân* đã ở mặt trước giữa hai chân, thì chữ *Đỉnh* tất nhiên phải ở phần thân trên đầu chân còn lại, và tất nhiên hai chữ còn lại cũng phải ở trên phần thân lệch với các chân đỉnh. Không phải do ý đồ nào khác ngoài phép toán học, và kỹ thuật, để cho các chữ giữ được cự ly cách đều. Chẳng liên quan gì đến tính thẩm mỹ và tình cảm nghệ thuật ở đây. Quy luật mà!

2. Xét về nội dung, thay đổi vị trí các chữ đưa đến hiệu ứng thay đổi kết cấu và ý nghĩa của cụm từ

2.1. Cụm từ *Xuân thu đỉnh thịnh*, ý nghĩa có khác với *Xuân thu thịnh đỉnh*, Kết cấu *Xuân thu đỉnh thịnh* là kết cấu chủ - vị, trong đó *Xuân thu* là chủ ngữ chỉ

tuổi tác, còn *đỉnh thịnh* là vị ngữ, trong đó *đỉnh* là thuộc loại trạng từ làm bổ ngữ cho *thịnh*, nghĩa là tuổi tác đang độ dồi dào (sung mãn, tuổi cao và nhiều). *Đỉnh* ở đây không có nghĩa là cái vạc, mà nghĩa là vừa mới, đang khi. *Khang Hy tự điển* cung cấp nghĩa thứ nhất: “鼎三足兩耳和五味之寶器也昔禹收九牧之金鑄鼎荆山之下玉篇鼎所以熟食器也 *Đỉnh: tam túc lưỡng nhĩ, hòa ngũ vị chi bảo khí dã. Tích, Vũ thu cửu mục chi kim, chú đỉnh Kinh sơn chi hạ. Ngọc thiên: Đỉnh sở dĩ thực thực khí dã*” (Đỉnh có ba chân hai tai [quai], là thứ đồ dùng quý báu để nấu canh. Xưa vua Vũ [nhà Hạ] thu vàng chín mục [châu] đúc đỉnh dưới núi Kinh. Sách *Ngọc thiên* nói: Đỉnh là đồ dùng để nấu chín thức ăn vậy), còn cho biết nghĩa thứ hai: “又方也前漢賈誼傳天子春秋鼎盛 [*đỉnh*] 脩 *phương dã. Tiễn Hán Giả Nghị truyện: Thiên tử xuân thu đỉnh thịnh*” ([Đỉnh] còn nghĩa là đang - vừa vậy. Truyện Giả Nghị trong *Tiền Hán thư*: Thiên tử tuổi tác đang độ dồi dào).⁽⁶⁾ Nếu là kết cấu *Xuân thu thịnh đỉnh* thì là kết cấu danh ngữ (ngữ danh từ), *thịnh* là hình dung từ, nếu là *đỉnh ngữ*, thêm nghĩa cho từ *đỉnh* (cái vạc), thì xét ra không có ý nghĩa gì (cái đỉnh mà “thịnh” là cái đỉnh như thế nào?), cái đỉnh to thì không ai nói thịnh đỉnh, mà phải nói đại đỉnh, hồng đỉnh, khổng đỉnh, cũng như cách nói của nhà chùa: hồng chung, đại hồng chung (cái chuông to); hoặc phân tích *thịnh* ứng với *Xuân thu*, thành *Xuân thu thịnh* thành cụm từ làm *đỉnh ngữ* cho danh từ *đỉnh*, như vậy *Xuân thu thịnh đỉnh* phải có nghĩa là cái vạc lớn mang tên *Xuân Thu Thịnh*, hay cái vạc đã trải qua nhiều xuân thu, cái vạc đã lâu năm, đã “cổ lỗ sĩ” lắm rồi, trong khi nó mới được đúc xong ngay trước ngày khánh thọ vua Khải Định, quyết không phải là một lời chúc mừng!

2.2. Những cụm từ dùng làm câu chúc, lời nguyện, khen thưởng thường rút từ các văn liệu cổ, gọi là điển cổ, như *Yến dục di mưu*, *Lân chỉ chung tư*, *Phụng mao tế mỹ*, *Miên miên qua diệt*... Vậy thì bốn chữ này cũng rút từ sách cổ, tức văn Giả Nghị như Nguyễn Văn Nghệ đã dẫn và *Khang Hy tự điển* đã chú giải. Rút sách cổ, không ai tùy tiện thay đổi. Sách đã viết *Xuân thu đỉnh thịnh* thì cứ thế mà dùng... Nếu thấy có điều gì không ổn thì tìm chọn thành ngữ khác, kho thư tịch cổ thiếu gì văn liệu chúc thọ vua mà lại phải thay đổi, “bóp méo” chữ sắn của người xưa... Chưa thấy ai làm như thế, người ta chỉ thay đổi kết cấu mà vẫn bảo đảm nội dung y nguyên, như 南山之壽 *Nam Sơn chi thọ* (trong bài thơ *Thiên bảo, Kinh Thi*) thành 壽比南山 *Thọ tỷ Nam Sơn*.

3. Lịch sử là lịch sử, lập luận suông không thể làm thay đổi lịch sử, phải căn cứ vào tư liệu mới được

3.1. Đỉnh đồng đặt ở trong khuôn viên Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế từ lâu rồi, người đến tham quan chắc cũng nhiều, nhưng chưa ai chú ý đọc kỹ biên giới thiệu, đến gần đây mới có nhà du khảo Nguyễn Văn Nghệ (tôi không gặp gỡ quen

biết nhưng đã từng trao đổi trên tạp chí *Huế xưa & nay*) quan tâm và phát biểu ý kiến in trên tạp chí *Xưa & nay* ở Hà Nội, cho rằng phải đọc *Xuân thu đỉnh thịnh* mới đúng theo truyền thống và hợp với điển cố, như tôi đã phân tích trên. Nhân bài ấy, Lê Minh Huy trong Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế có bài trao đổi in trên tạp chí *Huế xưa & nay*, lập luận để cho rằng biên giới thiệu ghi *Xuân thu thịnh đỉnh* là chính xác. Tác giả nói: “*Tứ Tuần Đại Khánh Tiết là ngày lễ đặc biệt đối với Hoàng đế Khải Định và được coi là đại lễ của quốc gia vào thời điểm bấy giờ, nên được chuẩn bị và tổ chức rất quy mô, huy động sức người sức của rất lớn. Với tính chất trọng yếu như thế, các lễ vật dâng tặng của quan viên, chức sắc... để mừng thọ lên hoàng đế (tứ tuần khánh thọ) rõ ràng phải được thực hiện rất cẩn chu, hoàn bị, không thể có chút nào sơ suất. Đỉnh đồng do quan viên người Việt trong tòa công sứ Pháp cung tiến lên hoàng triều nói trên cũng chắc chắn phải đảm bảo sự chỉnh bị về mọi mặt này*”. Quả thật đúng thế. Vì đây là lễ vật chung do nhiều cơ quan khác nhau cung tiến, và do tầm mức quan trọng như vậy, nên ngoài sự đóng góp phân cho từng nhân viên, họ còn cần phải họp bàn về cách thức thực hiện: chọn hình thức lễ vật (đỉnh đồng), chữ chúc hạ khắc trên đó, thậm chí cả bản vẽ thiết kế... Tất cả đi đến thống nhất, ghi thành biên bản. Nay, ta không có được biên bản ấy làm tài liệu, chứng cứ thì mọi lý luận đều là chủ quan, cảm nhận về thẩm mỹ nghệ thuật cũng mỗi người một khác, không thể lấy làm định luận được.

3.2. Lê Minh Huy “*phân tích về tính cân chuẩn của bốn đại tự chỉ tên gọi đỉnh đồng, nhằm rõ thêm ý nghĩa của tên đỉnh*”. Tác giả thấy chữ *Xuân* nằm ở phần thân giữa hai chân trước “*vững vàng và đầy oai vệ, mở đầu cho tên đỉnh*”; hai chữ *Thu* và *Thịnh* “*nằm đối xứng với nhau và chệch một phần so với chiều hướng của chân đỉnh*”, “*tạo thế cân bằng đối xứng, giữ gìn chiếc đỉnh không thể lệch nghiêng*”, còn chữ *Đỉnh* “*nằm cùng một đường thẳng chính diện với chân sau của chiếc đỉnh đồng này, tạo nên sự vững vàng kiên cố, nghiêm chuẩn*”. Tác giả không thấy rằng chiếc đỉnh ba chân vốn đã vững vàng kiên cố rồi (thành ngữ: *Vững như kiềng ba chân*), dù trên thân nó người ta chạm khắc những gì, đâu cần phải bố trí chữ mới giữ được thế cân bằng cho nó; lại nữa, ba chân mà bốn chữ, các chữ lại cách đều nhau, theo phép toán học, không đặt vào những vị trí ấy thì đặt ở đâu? Cái thế phải như vậy, không phải do một ý đồ nào khác. Mỹ thuật là ở chỗ chạm khắc thế nào cho đẹp hoa văn và đường nét của chữ mà thôi! Lý luận như thế là do cảm quan cá nhân chứ không phải với tính khoa học và rất dễ sa vào ngụy biện. Hơn nữa, tác giả bài viết cũng không phân biệt rạch ròi ý nghĩa khác nhau của hai cụm từ *Xuân thu đỉnh thịnh* và *Xuân thu thịnh đỉnh* (như tôi đã phân tích trên, cụm từ thứ nhất chỉ về tuổi tác, cụm từ thứ hai chỉ về chiếc đỉnh), cho nên *Xuân thu thịnh đỉnh* không thể dùng làm lời chúc mừng tuổi thọ của vua, mà chính là mừng vua có được một cái đỉnh to, dù chữ “*thịnh*” không có nghĩa là “*to*”!

3.3. Về xuất xứ của cụm từ này, nhân Nguyễn Văn Nghệ dẫn câu văn trong tờ biểu của Giả Nghị dâng Hán Văn Đế trích từ *Giả Nghị truyện* sách *Tiền Hán thư*: “天子春秋鼎盛行義未過德澤有加焉猶尚如是貺莫大諸侯權力且十此者庠 *Thiên tử xuân thu đỉnh thịnh, hành nghĩa vị quá, đức trạch hữu gia yên, do thương như thị, huống mạc đại chư hầu, quyền lực thả thập, thử giả hồ*” (Tôi xin dịch lại: Thiên tử tuổi tác đang độ dồi dào, làm việc nghĩa chưa có gì sai, ơn đức tăng thêm nữa, mà còn như thế, huống chỉ các chư hầu chẳng lớn gì, quyền lực và một phần mười, những kẻ đó thì sao?), Lê Minh Huy cho rằng lấy chữ *Xuân thu đỉnh thịnh* nói về người đang độ tráng niên khỏe mạnh (30 tuổi) để ca tụng ông vua đã đến tuổi trung niên thì “quá khiếm nhã”. Tôi nghĩ lấy lời ca tụng một ông vua nổi tiếng như Hán Văn Đế để ca tụng cũng một ông vua khác chẳng có gì khiếm nhã cả. Lại rất vinh dự nữa! Trong nguyên văn cũng chẳng có từ ngữ nào đề cập đến tuổi tráng niên và trung niên, chẳng qua do người dịch tự ý thêm bảy chữ *tráng niên khỏe mạnh* vào mà thôi. Và chẳng, nhà nho xưa nói về tuổi tác, không phân biệt những ấu, thiếu, thanh, tráng, lão theo độ tuổi... Đối với họ, trẻ già, mạnh yếu không theo tuổi, mà tùy người, tuổi ba mươi chắc chỉ đã tráng, tuổi bốn mươi đâu phải đã lão! Ngược lại, một người đến tuổi bốn mươi trở lên mới đạt đến mức khỏe mạnh, chín chắn, lập nên sự nghiệp, như Nguyễn Công Trứ, xứng đáng được khen là *Xuân thu đỉnh thịnh*. Nhà nho ta - vua Khải Định cũng là nhà nho đầy chữ - chỉ theo lời Khổng Tử: “吾十有五而志于學三十而立四十而不惑五十而知天命六十而耳順七十而從心所欲不逾矩 *Ngô thập hữu ngũ nhi chí vu học, tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất hoặc, ngũ thập nhi tri thiên mệnh, lục thập nhi nhĩ thuận, thất thập nhi tùng tâm sở dục bất du cử*” (Ta mười lăm tuổi dốc chí vào việc học, ba mươi tuổi đã vững vàng đạo đức, bốn mươi tuổi chẳng còn nghi hoặc gì, năm mươi tuổi biết mệnh trời, sáu mươi tuổi tai nghe gì là biết ngay, bảy mươi tuổi lòng muốn gì cũng không vượt khỏi khuôn phép. *Luận ngữ, Vi chính đệ nhị, điều 4*).

Và chẳng nếu bảo sự xưng tụng ấy là “khiếm nhã” thì nó có “khiếm nhã” hơn *Thư thất điều* của “thần dân” Phan Châu Trinh “dâng lên” nhà vua khi ngài sang Pháp năm 1922 không? Nhà chí sĩ vẫn đối xưng nhà vua là “Bệ hạ”, nghe có vẻ tôn kính, nhưng ông bị chú: “Giữa tôi với Bệ hạ đã đoạn tuyệt nhất thiết quan hệ, chỉ đứng trên địa vị đối đãi mà thôi. Cho nên nói “gửi” mà không nói “dâng”; còn dùng hai chữ “Bệ hạ” đó là theo Hán văn, xưng hô như vậy cho tiện, chứ không phải là tôn kính đâu”. Cho nên trong thư, ông phát biểu với lời lẽ gay gắt, “cạn tài ráo máng” luận tội nhà vua không khác gì một phạm nhân lịch sử, như: “VẬY mà nay tôi nghe Bệ hạ lên ngôi đến giờ, có làm điều gì có lợi cho dân được không? Không, chỉ nghe có những điều: kiêu căng, dâm dục, trái luân lý, nghịch phép tắc; quyền vua muốn cho tôn sung, thưởng phạt mất cả công chính; hút cái máu mủ của dân nghèo, trau cái xác thịt cho sung sướng; ngược cái văn minh của thế giới,

ngăn đàng tấn bộ của quốc dân; nét xấu tính hư chứa chan đầy nhẫy, không sao mà nói cho xiết được”. Ông kể ra bảy tội của nhà vua, tội nào cũng “*chiếu theo luật xưa nay, dân Âu Á chúng nó bắt tội các vua của nó mà xử Bệ hạ, thì một cái giết hay là cái đuổi, hai cái đó Bệ hạ không thể tránh được*”.⁽⁷⁾ Như thế thì còn quá hơn “*khiểm nhã*”, hay nói cho chính xác thì là “*lãng mạ*”. Thế nhưng thái độ của vua Khải Định ra làm sao? Khi về nước, vua cùng các đại thần bàn tới ý nghĩ việc làm của Phan Châu Trinh, trong lúc Thượng thư Nguyễn Hữu Bài nói: “*Châu Trinh hôm nay đã thành gã ngốc rồi (...) lời lẽ của Châu Trinh đều là lời ngó ngẩn*”, hay Thượng thư Tôn Thất Hân nói: “*Thần cùng các quan đã khẩn thiết nói về việc Châu Trinh với Khâm sứ đại thần, lại bàn xin đề đạt với triều đình nước Pháp có cách xử trị*”, thì nhà vua vẫn trầm tĩnh ôn tồn bảo: “*Cần gì như thế. Đại khái lời y nói không trúng nhưng cũng không sai lắm; về phía ta phải hết sức làm những việc cần làm mà thôi. Nếu vì lời lẽ mà bắt tội thì Thủ tướng Poincaré ở Pháp sẽ bị họ cùng công kích chỗ yếu, báo chí hàng ngày xúm vào thì làm sao có thể nhất nhất bắt tội (...). Vả lại Châu Trinh mệt mỏi về việc nước, y dự liệu ngược lại rằng tương lai tộc loại sẽ có ngày gặp sự khốn khổ lớn nhưng tính toán mà không biết làm sao, dần dần đến nỗi đầu óc tối tăm, rơi rụng thành gã khùng. Huống hồ những người y giao du ở nước Pháp phần nhiều là kẻ ở tầng lớp dưới, kiến thức nghĩ chắc cũng tầm thường không đáng đếm xỉa. Lúc trầm hồi loạn bộ Thuộc địa Pháp bàn bắt Châu Trinh nhưng trầm không nghe*”.⁽⁸⁾ Ta thấy tuy là một ông vua bù nhìn, nhưng Khải Định vẫn là một nhà trí thức, biết người biết ta, không cố chấp. Bởi vậy, không nên cứ “*suy bụng ta ra bụng người*”, ta cho là khiếm nhã thì vua Khải Định cũng phải cho là khiếm nhã. Mà khiếm nhã sao được khi chính vua Khải Định cũng dùng cụm từ ấy để tự nói về tuổi của mình (xem cuối bài này).

3.4. Ta cũng nên thấy thêm một điều, là người xưa dùng điển chỉ quan tâm đến ý nghĩa của ngôn từ, chứ không nệ vào văn cảnh của bản sách, gọi là “*tầm chương trích cú*” (tìm trong bài mà chọn lấy một câu), “*đoạn chương thủ nghĩa*” (tách khỏi bài văn mà nắm lấy cái nghĩa), cho nên hoàn cảnh nói chuyện giữa Hán Văn Đế và Giả Nghị chẳng liên quan gì đến cụm từ *Xuân thu đỉnh thịnh* cả. Nếu nói như Lê Minh Huy, thì các nhà văn, nhà thơ cổ điển đều phạm tội “*khi quân*” (khinh vua) khi sử dụng điển cổ cả. Chẳng hạn, từ “*cù mộc*” lấy ở thiên Nam hữu cù mộc, mục Chu Nam, phần Quốc phong trong Thi Kinh, nội dung ca ngợi bà “*Hậu phi năng thi ân cho các người thiếp dưới mình mà không có lòng đố kỵ ghen tuông, cho nên các người thiếp mến đức hạnh của bà Hậu phi mà nguyện chúc rằng: Núi Nam có cây sà xuống, vui mừng thấy bà Hậu phi thì bà được sống yên với nhiều phúc lộc*” (Chú giải của Chu Hy, Tạ Quang Phát dịch). Bà Hậu phi là vợ chính của vua Văn Vương nhà Chu, có lòng nhân hậu, thương yêu giúp đỡ các bà vợ vua khác, họ nhờ đó được yên lành, như những cây thân dây mềm yếu (cát lữ)

leo quanh cây thân gỗ (củ mộc) mà lớn lên.⁽⁹⁾ Ôn Như hầu Nguyễn Gia Thiều dùng điển ấy để viết trong *Cung oán ngâm khúc*: “Ngán thay cái én ba nghìn / Một cây củ mộc biết chen cành nào” thì đúng với văn cảnh gốc đã đành, nhưng Tố Như Nguyễn Du cũng dùng điển ấy để viết trong *Truyện Kiều*: “Thừa gia đã hết nàng Vân / Một cây củ mộc, một sân quế hòe”. Vương Thúy Vân chỉ là một phụ nữ bách tính, Kim Trọng chỉ là một viên quan, làm sao sánh được với bà Hậu phi trong cung vua; nói như thế thì quá “vượt phận”, Nguyễn Du không khéo bị tội “tiêm lạm”, phải trừng trị! Lại như từ “lân chi” - “gót lân”, cũng lấy trong *Thi Kinh*, phần Quốc phong, mục Chu Nam, thiên Lân chi chi, nội dung khen tặng dòng dõi vua Văn Vương nhà Chu: “Văn Vương và Hậu phi lấy đức hạnh tu thân, mà con cháu và tông tộc đều hóa ra hiền lành. Cho nên nhà thơ mới lấy chân con lân mà khởi hứng để nói về con của Văn Vương và Hậu phi. Nói rằng con lân nhân hậu, cho nên chân của nó cũng nhân hậu...” (Chú giải của Chu Hy, Tạ Quang Phát dịch).⁽¹⁰⁾ Lân là một giống thú mình chươg, đuôi bò, móng ngựa, khi đi luôn tránh dẫm phải làm hại các sinh vật nhỏ, nên người ta gọi là nhân thú (con vật nhân hậu), con lân hiền thì ngón chân của nó cũng hiền, như Văn Vương và Hậu phi hiền nên con, cháu, tông tộc của họ cũng hiền. Gốc tích là thế, mà Nguyễn Đình Chiểu đã viết trong *Truyện Lục Vân Tiên*: “Trăm năm biết mấy tinh thần / Sinh con sau nối gót lân đời đời”. Vân Tiên - Nguyệt Nga chỉ là cặp vợ chồng bách tính, có sang lắm cũng chỉ đứng vào hàng quan lại, sao dám ví với Văn Vương - Hậu phi? Nhà thơ muốn phản nghịch sao? Thật ra, các nhà thơ (nên biết vua Khải Định cũng là một nhà thơ) chỉ giữ lại nghĩa chính của từ để dùng, “củ mộc” là người vợ cả trong gia đình xưa theo chế độ đa thê, không liên quan gì đến Văn Vương và Hậu phi; “gót lân” là con cháu, dòng dõi của những gia đình có truyền thống, thế thôi. Rất nhiều cụm từ tương tự ở phần Nhã, Tụng trong *Thi Kinh* nói về vua chúa, hoàng gia, được nhân dân “bách tính” ta chọn làm chữ hoành phi treo ở từ đường, nhà khách, như *Chung tư trập trập*, *Qua điệt miên miên*, *Phụng mao tế mỹ*, *Yến dực di mur...* Nếu “xét nét” tỉ mỉ như cách nghĩ của Lê Minh Huy thì việc dùng điển như trên đều “khiếm nhã” cả hay sao?

3.5. Cuối cùng, điều đáng nói hơn cả, trước đó vào năm 1920, chính vua Khải Định đã dùng cụm từ “xuân thu đỉnh thịnh” trong bài văn *An Định Cung dẫn đáp* nổi trên bình phong dựng ở tầng ba lầu Khải Tường trong cung An Định. Xin trích:

... 况念朕春秋鼎盛皇子冲齡天道難窺人事必備聊爲他日皇長子之未能如朕者先其慮耳...

...Huống niệm trăm **xuân thu đỉnh thịnh**, hoàng tử xung linh; thiên đạo nan khuy, nhân sự tất bị. Liêu vi tha nhật, hoàng trưởng tử chi vị năng như trăm giả, tiên kỳ lự nhĩ.

(Huống chi nghĩ lại, tuổi tác trăm đã cao, mà hoàng tử còn thơ ấu, đạo trời khó thấy trước, việc người ắt phòng xa, biết đâu sau này hoàng trưởng tử không được như trăm, thì lo trước là hơn).⁽¹¹⁾

Như vậy, ta có thể nói vua Khải Định lấy bốn chữ “xuân thu đỉnh thịnh” trong văn Giả Nghị để nói về tuổi mình, rồi sau những người đúc đỉnh tặng vua nhân đó lại trực tiếp lấy bốn chữ này ở bài văn của vua chứ không cần phải đi tìm đâu xa.

Kết luận

Mạnh Tử nói: “*Tận tín thư bất như vô thư*” (Tin cả vào sách chẳng bằng không có sách), nhưng ở trường hợp này, ta phải theo đúng sách, để cho câu văn phát huy ý nghĩa của nó! Chính xác phải là “*Xuân thu đỉnh thịnh*”. Nên chẳng Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế nên sửa biên giới thiệu chiếc đỉnh mừng thọ vua Khải Định?

L N L

CHÚ THÍCH

- (1) Thời gian làm vua của Bửu Đảo (vua Khải Định) sau Vĩnh San (vua Duy Tân), nhưng theo phả hệ thì ông đứng trước Vĩnh San.
- (2) Vua Đồng Khánh có hai bà vợ chính. Bà thứ nhất là Nguyễn Thị Nhàn, con gái quan Kinh lược sứ Bắc Kỳ Nguyễn Hữu Độ, người tỉnh Thanh Hóa, sinh ngày 1 tháng Một năm Canh Ngọ (22/12/1870), vua Đồng Khánh lên ngôi tấn phong Hoàng Quý phi, mất ngày 14 tháng Mười năm Ất Hợi (9/11/1935), sau vua Bảo Đại truy phong Phụ Thiên Dực Thánh Khôn Nguyên Xương Minh Mục Từ Quảng Trang Tĩnh Nhân Thọ Thuần Hoàng Hậu, sinh hai hoàng tử, đều mất sớm. Bà thứ hai là Dương Thị Thực, con của Phú Lộc quận công Dương Quang Hượng, người huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên, sinh ngày 26 tháng Ba năm Mậu Thìn (18/4/1868), được phong Hòa tần (1886), Tiệp dư (1899), Hoàng Thái phi (1916), Khôn Nghi Hoàng Thái hậu (16/1/1924), Khôn Nghi Xương Đức Thái hoàng Thái hậu (20/3/1933), mất ngày 2 tháng Tám năm Giáp Thân (18/9/1944), tôn thụy Hựu Thiên Tương Thánh Khôn Nghi Xương Đức Khoan Hậu Từ Hòa Thọ Khang Trang Túc Thuần Hoàng Hậu, sinh hai hoàng tử: Bửu Đảo, Bửu Khát.
- (3) Nay cũng là cung An Định, nhưng khi còn là phủ, diện tích hẹp hơn. Sau ông thua bạc, phải bán cho người ta rồi lên ở một ngôi nhà phụ bên cạnh lăng vua Đồng Khánh (Tư Lăng). Đến khi lên ngôi, mới chuộc lại và mua thêm đất chung quanh để mở rộng lập thành cung An Định.
- (4) Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam Thực lục Chính biên Đế thất kỷ*, Bản dịch: Cao Tự Thanh, Nxb Văn hóa - Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 470-471.
- (5) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam Thực lục Chính biên Đế thất kỷ*, sđd, tr. 622.
- (6) *Khang Hy tự điển* còn chú: “史記封禪書黃帝鑄鼎於荊山後世因名其處為鼎湖 *Sử ký Phong thiện thư: Hoàng đế chú đỉnh ư Kinh sơn, hậu thế nhân danh kỳ xứ vi Đỉnh Hồ*” (Mục Phong thiện thư trong sách *Sử ký*: Hoàng Đế đúc đỉnh ở dưới núi Kinh, đời sau nhân đó gọi tên chỗ ấy là Đỉnh Hồ). Hoàng Đế là ông vua trong truyền thuyết Tam hoàng Ngũ đế. Sau khi đúc đỉnh

- xong, một con rồng hạ xuống, Hoàng Đế cỡi bay lên trời, các quan kêu khóc, có người níu vẫy rồng, có người níu râu rồng theo vua. Vì thế, người ta dùng từ *Đỉnh Hồ* để nói vua chết.
- (7) TS Nguyễn Văn Dương (2006), *Tuyển tập Phan Châu Trinh*, in lần thứ hai, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr. 674, 649, 656.
- (8) Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam Thực lục Chính biên Đế thất kỷ*, sđd, tr. 392-393.
- (9) Thiên 南有樛木 *Nam hữu cù mộc* có những đoạn: 南有樛木葛藟之樂只君子福履綏之南有樛木葛藟之樂只君子福履成之 *Nam hữu cù mộc / Cát lũy luy chi / Lạc chỉ quân tử / Phúc lý tuy chi // Nam hữu cù mộc / Cát lũy oanh chi / Lạc chỉ quân tử / Phúc lý thành chi* (Nam có cây cù lớn / Sắn bìm cuốn đeo quanh / Vui thay người quân tử / Phúc lộc sống yên lành // Nam có cây cù lớn / Sắn bìm bám leo quanh / Vui thay người quân tử / Phúc lộc đã nên thành). Quân tử đây là chỉ bà Hậu phi, vợ vua Văn Vương.
- (10) Thiên 麟之趾 *Lân chi chỉ* có ba đoạn: 麟之趾振振公子于嗟麟兮麟之趾振振公姓于嗟麟兮麟之趾振振公族于嗟麟兮 *Lân chi chỉ / Chân chân công tử / Hu ta lân hề // Lân chi đỉnh / Chân chân công tính / Hu ta lân hề // Lân chi giác / Chân chân công tộc / Hu ta lân hề* (Chân con lân kỳ / Con vua nhân hậu / Như chân lân mà // Chân con lân kỳ / Cháu vua nhân hậu / Như chân lân mà // Chân con lân kỳ / Họ vua nhân hậu / Như chân lân mà).
- (11) Toàn văn bài *An Định Cung dẫn*, có thể xem: Lê Nguyễn Lưu - Nguyễn Công Trí, “Những địa danh và di tích liên quan đến sông An Cựu ở khu vực Huế”, Tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, số 6 (149).2018.

TÓM TẮT

Bài viết trình bày ý kiến của tác giả tham gia vào cuộc tranh luận về câu chúc thọ khắc trên chiếc đỉnh mừng thọ vua Khải Định hiện trưng bày tại Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế. Theo tác giả, cụm từ ấy phải đọc từ phải qua trái (theo vị trí người nhìn, đọc) vòng theo thân đỉnh là “Xuân thu đỉnh thịnh” (nghĩa là tuổi tác đang độ dồi dào, sung mãn), chứ không thể đọc là “Xuân thu thịnh đỉnh” như cách ghi trên tấm biển giới thiệu của Bảo tàng đã viết, làm cho câu chúc thọ mang ý nghĩa không rõ ràng. Nên chăng, Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế cần sửa lại tấm biển giới thiệu hiện vật cho đúng với ý nguyện của những người đã tạo tác nên chiếc đỉnh mừng thọ này?

ABSTRACT

ON THE FOUR CHINESE CHARACTERS ON THE BRONZE URN FOR EMPEROR KHẢI ĐỊNH ON HIS FORTIETH BIRTHDAY

The article presents the author's opinion in the debate about the longevity wishing writings for Emperor Khải Định on the bronze urn exhibiting at the Huế Museum of Royal Antiquities. According to the author, the writings must be read “Xuân thu đỉnh thịnh” (i.e. The age of abundant wealth) from right to left (depending on the position of the lookers and readers) around the bronze urn, not “Xuân thu thịnh đỉnh” as expressed in the museum label, which makes the meaning of the writings unclear. Should the Huế Museum of Royal Antiquities correct it in order to satisfy the wishes of those who have created that bronze urn?